

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm tích cực

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

VNM, FMC

[Cập nhật công ty]

STB, VCB, MWG

[Quan điểm đầu tư]

Sau quá trình tích lũy ngắn hạn, NĐT được khuyến nghị thực hiện chốt lời từng phần tại vùng cản đã đề cập

02/12/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,080.01	+4.22
VN30	1,092.99	+4.83
HĐTL VN30F1M	1,101.00	+7.00
HNXIndex	215.96	+2.35
HNX30	363.71	+4.71
UPCoM	72.21	+1.12
USD/VND	24,477	-0.17
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.91	-0
Lãi suất qua đêm (%)	5.22	+32
Dầu (WTI, \$)	80.90	-0.39
Vàng (LME, \$)	1,801.55	-0.09



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,080.01 (+4.22%)
KLGD (triệu CP) 1,092.3 (-7.5%)
GTGD (triệu US\$) 732.3 (-17.8%)

TTCK Việt Nam tăng điểm tích cực ở hầu hết nhóm cổ phiếu với thanh khoản tiếp tục tăng mạnh. Khối ngoại mua ròng mạnh, tập trung ở HPG (+6.7%), VHM (+6.9%), STB (+6.9%).

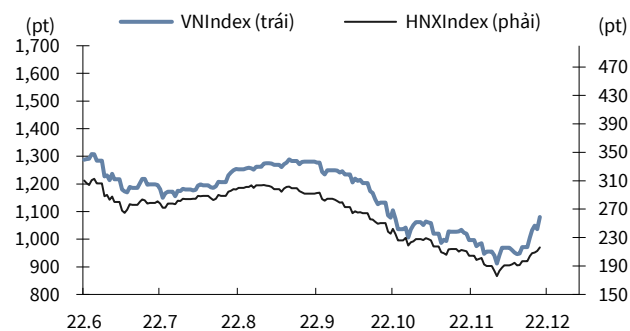
HNXIndex 215.96 (+2.35%)
KLGD (triệu CP) 136.7 (-1.3%)
GTGD (triệu US\$) 72.4 (+4.6%)

Giá dầu tăng vào ngày 01/12 sau khi quốc gia nhập khẩu dầu thô hàng đầu Trung Quốc nới lỏng các biện pháp kiểm soát Covid-19 ở 2 thành phố lớn, trong khi đồng USD suy yếu do Fed có thể giảm tốc độ nâng lãi suất. Cổ phiếu Dầu khí tăng giá ở PVD (+6.86%), PVS (+9.62%), PVC (+10.00%).

UPCoM 72.21 (+1.12%)
KLGD (triệu CP) 89.8 (+37.8%)
GTGD (triệu US\$) 25.8 (+7.3%)

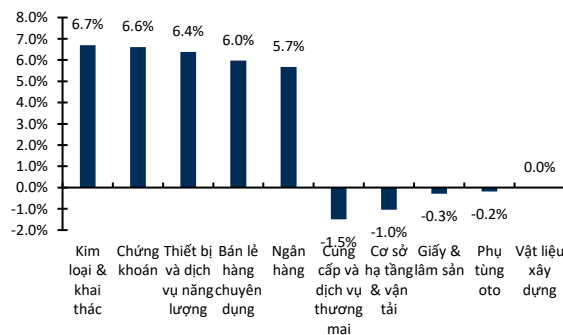
Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP), tính đến hết tháng 10, Trung Quốc chiếm gần 30% giá trị xuất khẩu cá tra của Việt Nam với trên 638 triệu USD. Đây cũng là thị trường có tăng trưởng đột phá nhất về nhập khẩu cá tra, tăng 106%. Cổ phiếu Thủy sản tăng giá ở VHC (+2.74%), ANV (+3.64%), IDI (+3.03%).

VNIndex & HNXIndex



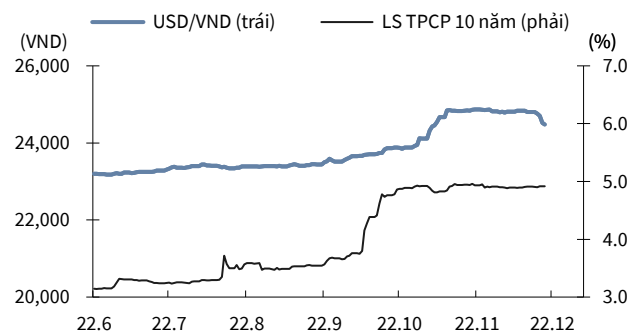
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



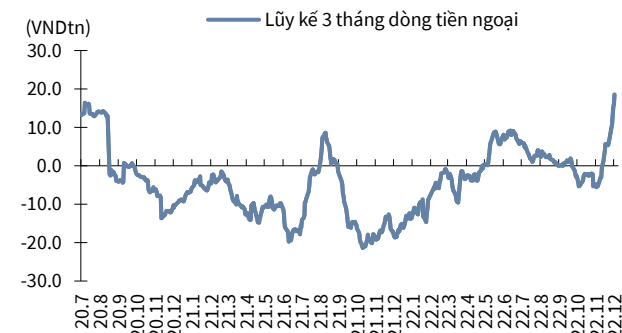
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

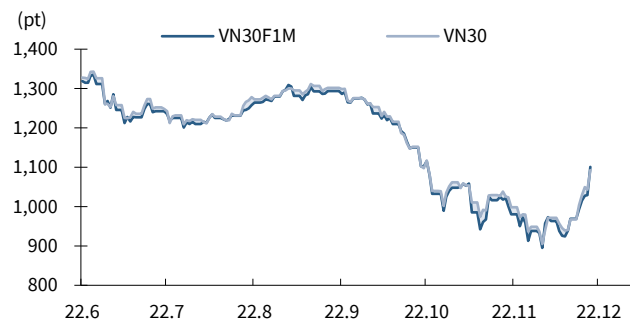
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,092.99 (+4.83%)
VN30F1M	1,101.0 (+7.00%)
Mở cửa	1,029.0
Cao nhất	1,101.0
Thấp nhất	1,025.0

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Tuy nhiên, chênh lệch F2212 và chỉ số VN30 vẫn duy trì ở mức âm và biến động giảm co liên tục với biên độ rộng trong khoảng -5.7 điểm và -16.7 điểm, cuối phiên đảo chiều và đóng cửa ở mức 8.0 điểm. Khối lượng giao dịch tăng trong phiên giao dịch hôm nay.

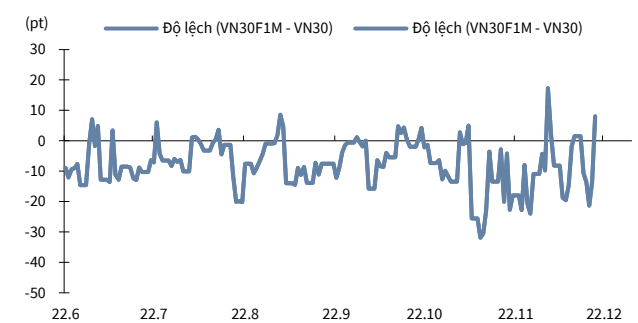
KLGD (HĐ) **431,884 (+2.7%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



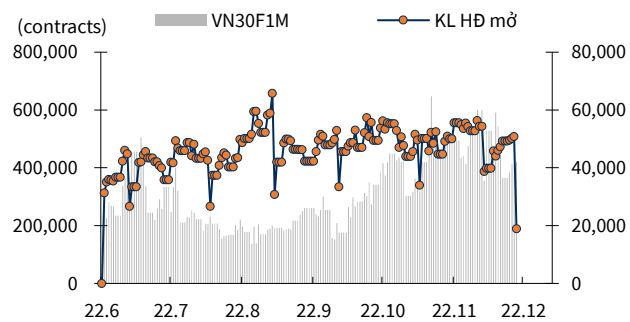
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



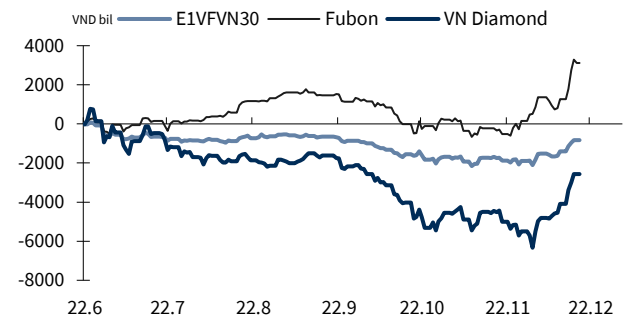
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

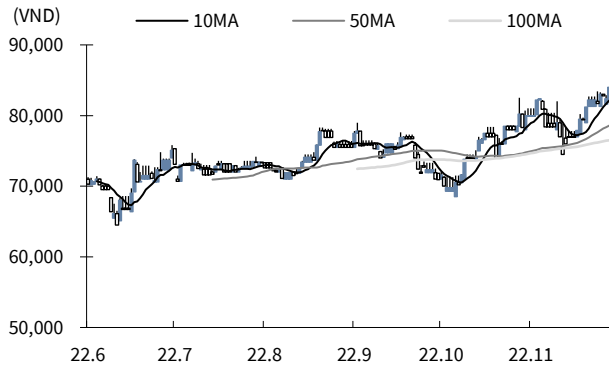
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

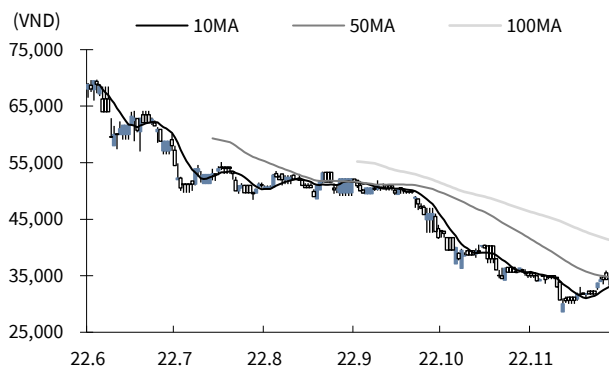
CTCP Sữa Việt Nam (VNM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VNM tăng 1.9% lên 84,000 VND/cp
- CTCP Sữa Việt Nam thông báo ngày 23/12 là ngày chốt danh sách cổ đông nhận tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2022 với tỷ lệ 14% bằng tiền (1,400 đồng/cổ phiếu). Ngày giao dịch không hưởng quyền tương ứng là 22/12. Với gần 2.09 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, ước tính Vinamilk sẽ chi khoảng 2,926 tỷ đồng để trả cổ tức đợt này. Ngày thanh toán dự kiến là 28/2/2023.

CTCP Thực phẩm Sao Ta (FMC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FMC tăng 0.8% lên 34,600 VND/cp
- VCTCP Thực phẩm Sao Ta công bố doanh số tiêu thụ chung trong 11 tháng đạt 215 triệu USD (khoảng 5,087 tỷ đồng), tăng 8% so cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể, tôm thành phẩm chế biến 11 tháng đạt 19,329 tấn, giảm 9% YoY và tôm thành phẩm tiêu thụ 17,149 tấn tương đương so với cùng kỳ năm trước, nông sản thành phẩm đạt 1,841 tấn tăng 83% YoY, và nông sản tiêu thụ 1,758 tấn tăng 17% YoY.

01/12/2022

Chuyên viên phân tích Lê Hạnh Quyền

quyenlh@kbsec.com.vn

3Q2022, LNST đạt 6,069 tỷ VND, tăng 32.2% YoY, nhờ tăng trưởng tín dụng tăng 21.0% YoY và NIM nổi rộng đạt 3.4%

Tỷ lệ nợ xấu đạt 0.8%, với trích lập tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao đạt 411%

9T/2022 tăng trưởng tín dụng của VCB đạt 17.4% YTD

Kỳ vọng VCB sẽ được SBV đánh giá cao, và ưu tiên cấp room tín dụng ở mức cao cho năm 2023

Khuyến nghị **NĂM GIỮ**, giá mục tiêu 89,400 VND/cp

3Q2022, thu nhập lãi thuần đạt 22,569 tỷ VND, tăng 27.9% YoY; lợi nhuận sau thuế đạt 6,069 tỷ VND, tăng trưởng ấn tượng 32.2 YoY, động lực chính đến từ tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao đạt 21.0% YoY và NIM nổi rộng đạt 3.4%

Tỷ lệ nợ xấu 3Q2022 đạt 0.8% tăng 19 bps QoQ và giảm 37 bps YoY. VCB tiếp tục đẩy mạnh trích lập dự phòng nợ xấu trong 3Q2022 với tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 411%.

9 tháng đầu năm, tăng trưởng tín dụng đạt 17.4% YTD, VCB vẫn còn 1.2% hạn mức tín dụng chưa sử dụng tới sau 2 lần được SBV cấp thêm hạn mức

Chúng tôi kỳ vọng VCB sẽ được Ngân hàng Nhà nước đánh giá cao, và ưu tiên cấp room tín dụng ở mức cao cho năm 2023, nhờ (1) Chất lượng tài sản tốt, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp ở mức thấp; (2) Tham gia tiếp nhận chuyển giao một tổ chức tín dụng yếu kém; (3) Cung cấp các gói hỗ trợ theo yêu cầu của Chính Phủ

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với cổ phiếu VCB. Giá mục tiêu là 89,400 VND/cp, cao hơn 11.8% so với giá tại ngày 01/12/2022.

Năm giữ

Giá mục tiêu	VND 89,400
Tăng/Giảm	11.8%
Giá hiện tại (01/12/2022)	VND 80,000
Giá mục tiêu thị trường	VND 91,300
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	378.1/15.4

Dự phóng KQKD & định giá

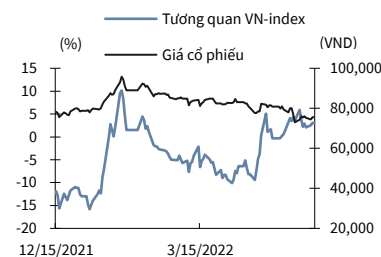
Cuối năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	36,285	42,400	50,414	57,197
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	33,024	39,149	45,749	51,153
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	18,451	21,919	26,583	31,142
EPS (VNĐ)	4,975	5,116	5,617	6,250
Tăng trưởng EPS (%)	0%	3%	10%	11%
PER (x)	17.1	16.6	15.1	13.6
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	25,370	29,421	30,837	36,042
PBR (x)	3.3	2.9	2.8	2.4
ROE (%)	21.1%	21.6%	20.9%	19.2%
Tỷ lệ cổ tức (%)	0.9%	0.9%	0.9%	0.9%

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	25.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	87.4/3.6
Sở hữu nước ngoài (%)	6.4%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (74.8%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	11.4	1.8	4.6	2.2
Tương đối	7.5	18.8	19.2	31.9



Nguồn: Bloomberg, KBSV

2/12/2022

Chuyên viên phân tích Phạm Phương Linh
(+84) 33-4936-057 linhpp@kbsec.com.vn

Hoàn thành 81% kế hoạch sau 10T2022

Luỹ kế 10T2022, MWG ghi nhận doanh thu thuần (DTT) đạt 113,712 tỷ đồng (+15% YoY) – hoàn thành 81% kế hoạch năm 2022. LNST 10T2022 giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ, đạt 3,839 tỷ đồng – hoàn thành 60% kế hoạch. Trong cuộc họp với các chuyên viên phân tích vừa qua, BLĐ đánh giá tình hình vĩ mô trong thời gian tới tương đối tiêu cực, do vậy dự kiến công ty chỉ hoàn thành kế hoạch DTT, kế hoạch LNST thực hiện được 90%.

Tăng trưởng ngắn hạn mảng ICT&CE không đạt kỳ vọng do sức mua giảm

Những tín hiệu không mấy tích cực của nền kinh tế đang tác động đến thu nhập của người tiêu dùng, khiến sức mua bị ảnh hưởng mặc dù tết Nguyên đán đang đến gần. Các mặt hàng không thiết yếu (điện thoại, điện máy...) sẽ chịu ảnh hưởng nhiều hơn các mặt hàng khác. Tình hình này có thể kéo dài đến quý 1 năm sau, thậm chí là quý 2 và 3, từ quý 4/2023 sẽ ổn định trở lại.

BHX theo đuổi chiến lược mới, kỳ vọng có lãi từ quý 4/2023

Chiến lược mới của chuỗi BHX trong thời gian tới là sẽ hướng đến lôi kéo nhóm khách hàng là những người đi siêu thị và những người đi chợ. Chúng tôi cho rằng, động lực tăng trưởng của BHX trong năm sau sẽ đến từ nhóm khách hàng tiềm năng mà công ty đang hướng tới. Theo BLĐ nếu tình hình chung không xấu một cách bất thường thì quý 4/2023 BHX sẽ có lãi.

Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 53,300 VNĐ/cp

Chúng tôi hạ dự phóng năm 2022, DTT dự kiến đạt 139,014 tỷ đồng (+12% YoY), LNST đạt 5,176 tỷ đồng (+5% YoY), năm 2023 đạt lần lượt 145,810 tỷ đồng (+5% YoY) và 5,639 (+10% YoY). Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 53,300 VNĐ/cp.

MUA

Giá mục tiêu VND53,300

Tăng/giảm (%)	21%
Giá hiện tại (01/12/2022)	44,050
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/triệu USD)	64.5/2.63

Dữ liệu giao dịch

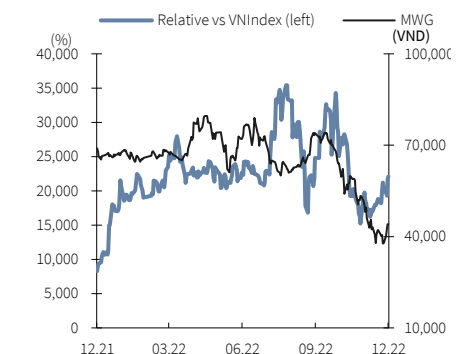
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	70%
GDTB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	230.6/9.4
Sở hữu nước ngoài	49%
Cổ đông lớn	Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư Thế giới bán lẻ (10.48%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-4	-41	-37	-36
Tương đối	-8	-24	-22	-6

Dự phóng KQKD & định giá

FY - end	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	109,801	124,142	139,014	145,810
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	5,413	6,445	6,823	7,445
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	3,920	4,901	5,167	5,639
EPS (nghìn VNĐ)	8,656	6,875	3,530	3,852
Tăng trưởng EPS (%)	0%	-21%	-48%	9%
P/E (x)	13.7	19.8	15.3	12.8
P/B (x)	3.4	3.0	4.5	1.7
ROE (%)	25%	24%	29%	27%
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	15%	5%	5%	15%



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)

Triển vọng tươi sáng sau Đề án

Chuyên viên phân tích – Nguyễn Đức Huy

huynd1@kbsec.com.vn

BÁO CÁO LẦN ĐẦU

Ngân hàng đang rất gần mục tiêu xử lý toàn bộ VAMC

Quy mô nợ xấu và VACM theo Đề án đã giảm từ 45 nghìn trong năm 2015 xuống chỉ còn khoảng 17 nghìn tỷ vào cuối quý 3 2022, nợ xấu theo đề án đã được ngân hàng xử lý toàn bộ. Sacombank đặt mục tiêu có thể xử lý dứt điểm VAMC thông qua bán đấu giá 18 khoản nợ được đảm bảo bằng KCN Phong Phú và 32.5% cổ phần STB đang được thế chấp tại VAMC ngày trong năm 2023.

Tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ giai đoạn 2003 - 2025

Chúng tôi đánh giá Sacombank có thể đạt được tăng trưởng lợi nhuận cao hơn cho giai đoạn 2023 – 2025 do các lý do sau (1) Hoàn thành xử lý lãi phải thu giúp biên lãi thuần quay trở về mức hấp dẫn hơn; (2) Ngân hàng đã hoàn thành xử lý nợ xấu theo Đề án cùng kỳ vọng có thể tất toán trái phiếu VAMC trong năm 2023 góp phần giảm mạnh cho phí dự phòng; (3) Nhờ đẩy mạnh trích lập dự phòng trong quá khứ mà STB sẽ có các khoản hoàn nhập dự phòng nếu đấu giá thành công tài sản.

Định giá thay đổi sau khi xử lý xong nợ xấu

STB và ACB có nhiều điểm tương đồng trong quy mô tài sản, vốn chủ, dư nợ cho vay và cơ cấu tập khách hàng tuy nhiên lợi nhuận đang có sự chênh lệch lớn do STB vẫn đang trong quá trình xử lý VAMC. Định giá của ACB đã cải thiện rõ rệt sau khi xử lý xong nợ xấu do đó chúng tôi kỳ vọng định giá của STB sẽ tốt hơn sau khi hoàn thành Đề án.

STB còn nhiều lợi thế để mở rộng tiền gửi không kỳ hạn

Ngân hàng có đầy đủ lợi thế để có thể tiếp tục mở rộng CASA trong thời gian tới nhờ (1) Sacombank đã xây dựng hệ thống thanh toán quốc tế rất toàn diện từ đó trở thành sự lựa chọn hàng đầu của doanh nghiệp xuất nhập khẩu; (2) Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các sản phẩm thẻ tín dụng liên kết cùng các chương trình khuyến mãi nhằm kích thích các hoạt động thanh toán, tiêu dùng.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 28,650 đồng/cổ phiếu

Sử dụng 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu của cổ phiếu STB là 28,650 VND/cp, cao hơn 46.9% so với giá đóng cửa tại ngày 01/12/2022. Khuyến nghị MUA.

Mua

Giá mục tiêu	VND 28,650
Tăng/Giảm	46.9%
Giá hiện tại (01/12/2022)	19,500
Giá mục tiêu bình quân	35,700
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	41,003

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	11,527	11,964	16,713	23,242
LN trước CF DPRRTD (tỷ VND)	6,376	7,954	13,539	16,143
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	2,682	3,411	4,841	10,581
EPS	1,248	1,630	2,568	5,613
Tăng trưởng EPS (%)	11.5%	30.6%	57.5%	118.6%
PER (x)	8.95	9.71	11.16	5.11
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	13,329	16,223	18,994	24,028
PBR (x)	0.84	0.98	1.51	1.19
ROE (%)	9.6%	10.8%	13.2%	23.7%
Tỷ lệ cổ tức (%)	0%	0%	0%	0%

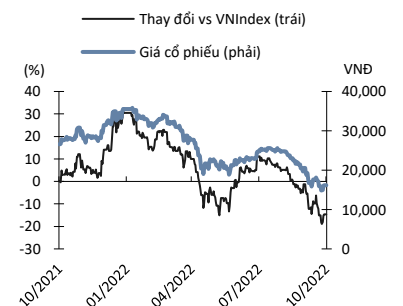
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Dữ liệu giao dịch

SLCP đang lưu hành (%)	94.4%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	276.65
Sở hữu nước ngoài (%)	9.2%
Cơ cấu cổ đông	Dragon Capital (6.09%) Eximbank (4.73%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-21.6	-34.6	-41.7	-39.3
Tương đối	-13.7	-23.3	-22.5	-15.0



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNINDEX



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNINDEX linh xình giảm nhẹ vào đầu phiên trước khi dần hồi phục và tăng tốc bút phá về cuối phiên.
- Sự hình thành của một cây nến tăng điểm mạnh và bao trùm hoàn toàn cây nến giảm điểm trước đó cho thấy xu hướng tăng vẫn đang lấn át và đóng vai trò chủ đạo. Mặc dù vậy, trên các khung thời gian dài hơn, chúng tôi nhận thấy chỉ số đang dần tiếp cận 1 vùng cản mạnh tại quanh 1100 (+-10), nơi tiềm ẩn rủi ro xuất hiện điểm đảo chiều về xu hướng.
- Sau quá trình tích lũy ngắn hạn, NĐT được khuyến nghị thực hiện chốt lời từng phần tại vùng cản đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1120 - 1125

Kháng cự gần: 1115 - 1117

Hỗ trợ gần: 1077 - 1079

Hỗ trợ xa: 1056 - 1061

- F1 linh xình giảm nhẹ vào đầu phiên trước khi dần hồi phục và tăng tốc bứt phá về cuối phiên.
- Sự hình thành của một cây nến tăng điểm mạnh và bao trùm hoàn toàn cây nến giảm điểm trước đó cho thấy xu hướng tăng vẫn đang lấn át và đóng vai trò chủ đạo. Mặc dù vậy, trên các khung thời gian dài hơn, chúng tôi nhận thấy chỉ số đang dần tiếp cận 1 vùng cản mạnh tại quanh 1120 (+5), nơi tiềm ẩn rủi ro xuất hiện điểm đảo chiều về xu hướng.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Đóng hết các vị thế LONG tại các vùng kháng cự và mở một phần vị thế SHORT tại vùng kháng cự xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

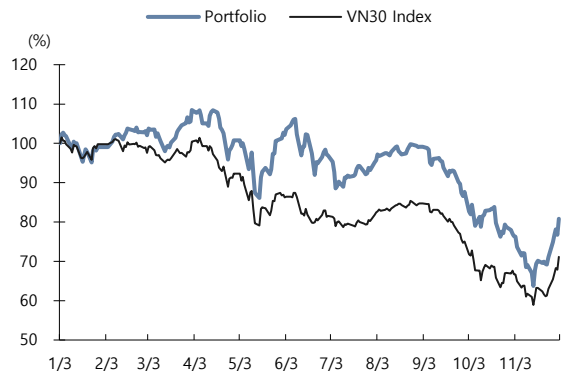
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luân duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	4.83%	5.23%
Tăng lũy kế (YTD)	-28.83%	-19.21%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 02/12/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	47,000	6.7%	21.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	15,700	9.0%	-44.9%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	115,000	2.7%	50.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	118,200	0.5%	-38.4%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	78,000	4.7%	163.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	77,400	3.6%	219.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	27,950	6.9%	47.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	111,200	4.4%	51.5%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	19,450	6.9%	74.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	21,600	6.9%	110.2%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	6.9%	20.6%	285.8
VHM	6.9%	23.7%	284.6
STB	6.9%	24.2%	274.8
VIC	4.2%	12.5%	179.4
CTG	6.9%	27.4%	121.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PDR	6.9%	6.1%	-53.0
DGW	3.2%	26.1%	-22.7
NKG	6.8%	10.3%	16.6
E1VFN30	2.2%	92.1%	-141.4
FRT	2.9%	25.0%	2.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	6.9%	0.5%	14.4
PVS	9.6%	17.3%	8.1
SHS	9.4%	5.8%	2.3
CEO	10.0%	0.6%	1.9
NVB	0.6%	8.8%	1.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
THD	0.3%	1.2%	-0.7
MBS	9.8%	0.7%	-0.2
IVS	1.8%	72.1%	-0.1
VLA	-0.2%	0.0%	-0.1
MBG	4.2%	1.1%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	26.6%	HPG, HSG, NKG, KSB
Bán lẻ hàng chuyên dụng	22.9%	MWG, FRT, CTF, HAX
Xây dựng và kỹ thuật	19.3%	DIG, HDG, VCG, PC1
Chứng khoán	16.4%	SSI, VND, HCM, VCI
Sản phẩm xây dựng	16.3%	VGC, BMP, SHI, DAG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	-3.6%	TCH, HHS, SRF, SHA
Đồ uống	-1.6%	SAB, BHN, SMB, SCD
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-1.4%	AST, VNG, DSN, DAH
Bao bì & đóng gói	-1.1%	TDP, SVI, MCP, TPC
Vật liệu xây dựng	0.0%	HT1, PTB, GAB, ACC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	27.1%	HPG, HSG, NKG, KSB
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	12.8%	TNH, JVC, VMD
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	11.9%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Ngân hàng	11.6%	VCB, BID, VPB, TCB
Quản lý & phát triển bất động sản	11.2%	VHM, VIC, NVL, BCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	-26.0%	DHC, HAP, HHP, VID
Thương mại & phân phối	-21.6%	VPG, TSC, BTT, TNA
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-9.3%	TLG, ILB, APC, ST8
Bảo hiểm	-7.7%	BVH, MIG, BIC, BMI
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-7.2%	MWG, FRT, CTF, HAX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	128,182 (5.2)	22.5	34.9	36.5	14.7	5.8	6.6	2.4	2.3	4.2	5.8	24.2	-27.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	189,193 (7.6)	26.6	7.7	6.5	35.9	22.4	21.4	1.6	1.4	6.9	21.7	27.4	-30.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	55,173 (2.2)	17.8	28.7	19.8	-7.6	7.8	10.6	2.2	2.1	5.2	15.1	22.3	4.8
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	458,596 (18.5)	31.3	7.9	5.9	6.7	10.8	13.1	0.8	0.5	1.9	16.4	-65.6	-73.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	79,170 (3.2)	11.6	17.6	15.6	13.7	11.1	11.4	1.8	1.6	7.0	29.6	26.5	-37.2
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	155,398 (6.3)	13.9	10.6	11.3	-	7.6	6.4	0.7	0.7	7.0	38.4	6.6	-58.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	104,177 (4.2)	6.3	14.3	12.4	11.7	21.1	19.0	3.0	2.5	6.3	16.3	15.5	7.9
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	74,975 (3.0)	12.7	12.9	10.0	-5.3	17.9	18.4	2.1	1.7	5.6	3.0	22.3	11.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	181,982 (7.3)	0.0	4.8	4.7	14.3	20.8	17.5	0.9	0.8	5.1	25.2	14.3	-42.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	226,070 (9.1)	1.4	8.0	6.9	50.3	15.9	17.9	1.3	1.2	6.9	8.3	16.5	-17.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	303,297 (12.2)	0.0	6.2	7.1	18.8	20.4	16.0	1.2	1.0	3.0	11.6	-1.1	-27.5
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	234,742 (9.5)	0.0	4.8	4.1	14.6	24.7	23.1	1.0	0.8	5.6	16.0	5.0	-21.9
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	44,854 (1.8)	4.2	5.3	4.8	23.3	23.4	20.7	1.1	0.9	3.4	10.4	0.3	-33.1
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	489,413 (19.8)	14.0	-	-	26.5	13.9	15.8	1.0	0.9	6.9	10.3	23.4	-33.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	118,650 (4.8)	0.0	6.2	5.3	37.4	20.9	19.5	1.2	0.9	4.6	12.3	5.8	-44.5
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	123,144 (5.0)	0.2	-	-	27.3	17.7	14.6	-	-	2.4	12.6	-36.9	-36.2
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	38,994 (1.6)	21.0	-	-	15.8	-	-	-	-	0.8	2.8	-7.3	-13.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,916 (0.2)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	4.1	14.5	-3.4	-47.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	370,802 (15.0)	55.4	-	-	-3.2	-	-	-	-	6.9	13.7	17.9	-60.1
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	183,907 (7.4)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	6.8	20.6	-3.6	-55.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	157,490 (6.4)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	6.9	11.7	7.2	-50.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	289,036 (11.7)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	6.9	23.6	14.9	-58.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	182,739 (7.4)	42.1	20.9	18.5	4.0	26.6	29.7	5.2	5.1	1.9	2.2	7.3	-2.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	35,878 (1.4)	36.9	21.8	19.7	7.3	23.5	22.8	4.7	4.1	0.9	-1.7	-3.5	17.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	111,812 (4.5)	16.5	32.5	22.1	-51.9	12.2	17.2	3.9	3.3	4.9	10.5	28.3	-27.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	23,294 (0.9)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.6	7.3	10.1	-62.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	33,358 (1.3)	11.0	-	-	-88.5	-	-	-	-	3.2	4.4	1.4	-17.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	34,954 (1.4)	10.8	15.5	15.9	-57.0	13.7	13.2	2.1	1.9	1.5	2.2	2.7	-0.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	70,376 (2.8)	38.4	4.7	23.0	65.7	16.0	3.0	0.7	0.7	6.9	21.6	-2.8	-66.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	192,588 (7.8)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	6.7	13.5	16.5	-62.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	17,532 (0.7)	3.6	-	16.5	-52.4	-0.2	2.0	-	-	4.5	21.3	-12.0	-66.2
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	40,267 (1.6)	0.0	10.7	10.9	-4.5	17.0	15.4	1.8	1.6	4.7	10.8	3.9	29.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	40,682 (1.6)	46.1	14.9	15.3	-17.5	25.1	21.8	3.6	3.3	4.4	6.1	1.1	15.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	23,641 (1.0)	31.4	9.3	8.1	-10.5	19.8	19.9	-	-	3.1	6.3	4.5	2.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,168 (0.0)	34.1	14.8	7.5	-5.1	6.2	11.7	-	-	0.8	7.7	-7.3	-44.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	692,112 (27.9)	18.0	10.1	8.3	21.9	12.2	13.4	1.1	1.0	6.9	27.1	26.7	-45.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	92,657 (3.7)	36.5	3.4	5.5	-0.5	36.0	21.2	1.1	1.0	5.1	9.8	0.1	-17.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	115,830 (4.7)	46.5	4.0	6.6	-4.5	45.7	22.8	1.6	1.4	4.3	11.1	-3.5	-21.0
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	136,168 (5.5)	38.9	9.3	6.1	67.9	7.0	10.0	0.6	0.5	7.0	24.7	-0.8	-60.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	24,063 (1.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	3.7	12.6	-0.1	-61.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	31,295 (1.3)	4.6	67.8	13.0	-51.0	2.5	12.5	1.7	1.6	1.5	11.3	7.3	-41.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	109,631 (4.4)	39.9	-	20.6	-11.9	-1.2	1.9	0.7	0.7	6.9	21.1	-5.5	-27.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	32,855 (1.3)	35.9	8.5	7.7	2.2	14.7	14.0	1.1	0.9	5.8	9.3	14.3	-17.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	177,616 (7.2)	0.0	13.8	11.0	14.4	22.7	24.5	3.0	2.6	6.7	24.3	-2.1	-30.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	31,505 (1.3)	0.0	16.3	14.1	2.4	24.3	21.8	3.2	2.7	2.7	8.3	13.7	19.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,962 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.5	20.5	-13.4	-59.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	96,340 (3.9)	30.3	17.5	14.9	-75.2	26.2	24.8	4.1	3.4	2.9	18.6	-9.7	4.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	31,170 (1.3)	34.6	6.9	7.7	41.2	29.7	23.6	1.9	1.8	7.0	13.0	12.2	-35.5
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,047 (0.0)	45.4	11.9	11.2	10.7	22.0	21.1	2.6	2.4	-0.1	4.5	-2.0	-25.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	99,600 (4.0)	0.0	15.6	13.4	15.5	27.2	28.0	3.9	3.3	3.6	7.5	4.6	-0.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.